

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
2573/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng
11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2022/QĐST-HNGĐ, ngày
16/12/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Thu Tr**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 23B, tổ 12, khu phố 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

2 **Bị đơn:** Anh **Trịnh Văn Phi L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 77A/21/6, Phan Đình Phùng, khu phố 2, phường Quang Vinh,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện 03/10/2022, bản tự khai ngày và tại buổi hòa giải chị
Trần Thị Thu Tr trình bày:*

Chị cùng anh L tự tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký
kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng
chung sống hạnh phúc tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa đến khoảng
tháng 8 năm 2019 thì anh L bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích.

Ngày 05/4/2022 chị Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên
Hòa tuyên bố anh L mất tích, ngày 15/9/2022, Tòa án đã mở phiên họp tuyên bố
anh L mất tích.

Xét thấy, hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương với anh L nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Long.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Hiếu T, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Văn Phi L đã được Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân chị Tr được ly hôn với anh Long. Về con chung: Giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Long không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung do chị Tr không yêu cầu, anh L vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi ác đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn chị Trần Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn Phi L, đề nghị giao con chung cho chị Trâm trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Tr là nguyên đơn, anh L là bị đơn trong vụ án.

[1.2] Anh Trịnh Văn Phi L đăng ký thường trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/11/2022. Bị đơn anh Trịnh Văn Phi L đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2018 nên căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Tr xác định không còn tình cảm với anh L, do anh L không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, anh L đã bỏ mặc chị Trâm và con chung đi biệt tích khỏi địa phương từ năm 2019 cho đến hiện nay, chị Tr cũng đã làm mọi cách

để thông báo tìm kiếm anh L nhưng không có kết quả ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã có quyết định tuyên bố anh Long mất tích. Đối với anh L đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh L có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình*”. Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị Tr là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Hiếu Tr, sinh ngày 10/7/2018. Kể từ khi anh L bỏ nhà đi thì chị Trâm là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, con chung vẫn được chăm sóc tốt về mọi mặt nên việc giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3.4] Về án phí: Chị Trần Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu Tr đối với bị đơn anh Trịnh Văn Phi L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Tr được ly hôn với anh Trịnh Văn Phi L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Hiếu Tr, sinh ngày 10/7/2018 cho chị Trần Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Trịnh Văn Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004211 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào